

CÔNG TY CP ĐTPT DV CTCC  
ĐỨC LONG GIA LAI

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

*Gia Lai, ngày 9 tháng 4 năm 2016*



## MỤC LỤC

|  |    |
|--|----|
| <b>I. THÔNG TIN CHUNG</b> .....  | 1  |
| 1. Thông tin khái quát .....   | 1  |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển .....                                    | 1  |
| a) Việc thành lập .....  | 1  |
| b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty ..... | 2  |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh .....                                      | 4  |
| a) Ngành nghề kinh doanh .....   | 4  |
| b) Địa bàn kinh doanh .....  | 4  |
| 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....   | 4  |
| a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý .....                              | 4  |
| b) Các công ty con, công ty liên kết .....                                     | 5  |
| 5. Định hướng phát triển .....   | 5  |
| a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty .....                                      | 5  |
| b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn .....                                | 5  |
| c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty .....      | 6  |
| 6. Các rủi ro .....  | 7  |
| <b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b> .....                                 | 7  |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....                               | 7  |
| a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2014 .....                  | 7  |
| b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch .....                                   | 8  |
| 2. Tổ chức và nhân sự .....  | 9  |
| a) Danh sách Ban điều hành .....   | 9  |
| b) Những thay đổi trong Ban điều hành .....                                    | 13 |
| c) Chính sách đối với người lao động .....                                     | 14 |
| 3. Tình hình tài chính .....   | 14 |
| a) Tình hình tài chính .....   | 14 |
| b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....  | 15 |
| 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....                    | 15 |
| a) Cổ phần .....   | 15 |
| b) Cơ cấu cổ đông .....  | 16 |
| c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu .....                          | 16 |
| <b>III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....                         | 16 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh .....                        | 16 |

---

|  |           |
|--|-----------|
| 2. Tình hình tài chính .....   | 18        |
| 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý .....   | 18        |
| 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai .....   | 19        |
| <b>IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...</b>                                   | <b>20</b> |
| 1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.....                                  | 21        |
| 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc Công ty                          | 22        |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....   | 23        |
| <b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>  | <b>24</b> |
| 1. Hội đồng quản trị.....  | 24        |
| a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị.....   | 24        |
| b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....  | 24        |
| c) Hoạt động của Hội đồng quản trị .....   | 24        |
| d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.....                                       | 25        |
| e) Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị .....  | 25        |
| 2. Ban kiểm soát.....  | 25        |
| a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát .....   | 25        |
| b) Hoạt động của Ban kiểm soát.....  | 25        |
| 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát..... | 26        |
| a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích .....   | 26        |
| b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người liên quan .....                                  | 27        |
| c) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty .....   | 27        |
| <b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....</b>  | <b>27</b> |
| 1. Ý kiến kiểm toán .....  | 27        |
| 2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán .....  | 29        |



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Kính thưa Quý nhà đầu tư, cổ đông, khách hàng và đối tác!**

Lời đầu tiên, thay mặt toàn thể Công ty, tôi gửi lời kính chúc sức khỏe và hạnh phúc đến Quý vị và gia đình. Chúng tôi chân thành cảm ơn sự tin yêu, đồng hành của Quý vị cùng Công ty trong suốt thời gian qua và chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ, hỗ trợ nhiều hơn nữa trong thời gian tới.

Kính thưa Quý vị, với định hướng chiến lược cụ thể trong từng giai đoạn phát triển. Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai hoàn toàn có thể tự tin hướng đến vị trí của một thương hiệu vững mạnh trong lĩnh vực vận tải. Công ty sẽ tiếp tục tăng trưởng ổn định, phát triển bền vững các hoạt động kinh doanh chính. Qua đó, Công ty sẽ tận dụng cơ hội mở rộng hợp tác đầu tư, ưu tiên khai thác những thế mạnh và năng lực cốt lõi có sẵn.

Thành công này khẳng định công ty có tầm nhìn chiến lược, có khát vọng và đã xây dựng được hệ thống quản lý chuyên nghiệp, cùng một môi trường văn hóa mang đậm bản sắc Đức Long Gia Lai.

Chất lượng dịch vụ, sự hài lòng của khách hàng, giảm thiểu tác động môi trường, lợi ích của cộng đồng là sứ mệnh của các cấp Ban Lãnh đạo Công ty, là cam kết đối với cổ đông

Khát vọng đổi mới để tự hoàn thiện, để vươn xa hơn nữa. Để khẳng định một thương hiệu mạnh. Với lòng quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và toàn thể cán bộ - nhân viên, Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai sẽ không phụ lòng tin yêu và sự kỳ vọng mà Quý vị đã dành cho Công ty.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tân Tiến



## **I. THÔNG TIN CHUNG**

### **1. Thông tin khái quát**

- **Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI.**
- **Tên tiếng nước ngoài : DucLong GiaLai Investment and Development of Public project Service JSC.**
- **Tên viết tắt: DLGL INDPS**
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900437257**
- **Vốn điều lệ: 31.420.260.000 đồng**
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 31.420.260.000 đồng**
- **Trụ sở chính: 43 Lý Nam Đế, P. Trà Bá, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.**
- **Điện thoại: (84.59) 3829.021 Fax: (84.59) 3829.021**
- **Website: <http://www.duclonggroup.com/quan-he-co-dong/DL1>**
- **Email: [hoatcs@duclonggroup.com](mailto:hoatcs@duclonggroup.com)**
- **Mã chứng khoán: DL1**

### **2. Quá trình hình thành và phát triển**

#### **a) Việc thành lập**

❖ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai tiền thân là Chi nhánh Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai thuộc Xí nghiệp Tư doanh Đức Long Gia Lai, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3911000152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 20/12/2005.

❖ Ngày 07/11/2006, Sở Giao thông Vận tải Tỉnh Gia Lai đã ban hành Quyết định số 61/QĐ-SGTVT v/v xếp loại Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia lai đạt tiêu chuẩn Bến xe Loại I.

❖ Ngày 29/10/2009, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng.

❖ Công ty chính thức được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000170 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 21/12/2007, số ĐKKD thay đổi 5900437257 cấp lần thứ 13 vào ngày 29/12/2014.



## Quá trình tăng vốn điều lệ

| STT | Thời gian       | Vốn điều lệ<br>(Đồng) | Phương thức   |
|-----|-----------------|-----------------------|---|
| 1.  | Ngày 21/12/2007 | 9.500.000.000         | Góp vốn thành lập công ty.  |
| 2.  | Ngày 16/10/2009 | 15.000.000.000        | Phát hành riêng lẻ thêm 5,5 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 15,0 tỷ đồng.                       |
| 3.  | Ngày 02/12/2010 | 18.000.000.000        | Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2009 là 300.000 Cổ phiếu tương đương với 3 tỷ đồng.             |
| 4.  | Ngày 16/01/2012 | 20.699.940.000        | Chia cổ tức bằng cổ phiếu năm 2010 là 269.994 cổ phiếu tương đương với 2.699.940.000 đồng.    |
| 5.  | Ngày 06/12/2012 | 24.839.360.000        | Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2011 là 413.942 cổ phiếu tương đương với 4.139.420.000 đồng. |
| 6.  | Ngày 15/11/2013 | 28.564.540.000        | Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2012 là 372.590 cổ phiếu tương đương với 3.725.900.000 đồng. |
| 7.  | Ngày 12/12/2014 | 31.420.260.000        | Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2013 là 285.572 cổ phiếu tương đương với 2.855.720.000 đồng. |

## b) Các sự kiện khác gắn với lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

**Đợt 1: Góp vốn thành lập Công ty**

- Căn cứ Biên bản họp cổ đông sáng lập ngày 29/11/2007 về việc thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Số vốn góp: 9.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín tỷ năm trăm triệu đồng).
- Số cổ đông sáng lập: 04 cổ đông
- Vốn điều lệ: 9.500.000.000 đồng
- Trong đó, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai góp 8,2 tỷ đồng bằng giá trị tài sản thuộc Bến xe Đức Long Gia Lai theo Biên bản góp vốn ngày 08/01/2007 (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất).



**Đợt 2: Phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ lên 15 tỷ đồng**

- Căn cứ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2009 ngày 15/09/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.

- **Số cổ phần phát hành:** 5.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ năm trăm triệu đồng).

- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

- **Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ.

- **Hình thức phát hành:** Phát hành riêng lẻ (cho 94 cổ đông)

- **Đối tượng phát hành:**

• **CBCNV Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai**

○ Số lượng: 337.200 cổ phần.

○ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

○ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.

○ Số lượng cổ đông: 35 người.

• **CBCNV Công ty:**

○ Số lượng: 55.000 cổ phần.

○ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.

○ Số lượng cổ đông: 48 người.

• **Nhà đầu tư khác:**

○ Số lượng: 157.800 cổ phần.

○ Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.

○ Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.

○ Số lượng cổ đông: 11 người.

- **Vốn điều lệ sau phát hành:** 15.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng)

**Đợt 3: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 15 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng.

✦ **Niêm yết:**

❖ Ngày 10/03/2010, Công ty chính thức niêm yết 1.500.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hà Nội (HNX) với mã Chứng khoán là DL1.

❖ Ngày 02/12/2010, ngày giao dịch đầu tiên của 300.000 Cổ phiếu chia cổ tức để tăng vốn điều lệ Công ty lên 18 tỷ đồng.

**Đợt 4: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 18 tỷ lên 20.699.940.000 VND.

**Đợt 5: Chia trả cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:2 nhằm tăng vốn điều lệ từ 20.699.940.000 VND lên 24.839.360.000 đồng.

**Đợt 6: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 20:3 nhằm tăng vốn điều lệ từ 24.839.360.000 đồng lên 28.564.540.000 đồng.



**Đợt 7: Chia cổ tức bằng cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu:** Với tỷ lệ 10:1 nhằm tăng vốn điều lệ 28.564.540.000 từ đồng lên 31.420.260.000 đồng.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**a) Ngành nghề kinh doanh**

- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- ✓ Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- ✓ Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- ✓ Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan  
Chi tiết: + Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu  
+ Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ.
- ✓ Vận tải hành khách bằng đường bộ khác  
Chi tiết: + Vận tải hành khách theo tuyến cố định.
- ✓ Dịch vụ ăn uống khác.
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành , ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)

Chi tiết: + Vận tải hành khách bằng xe buýt.

- ✓ Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- ✓ Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- ✓ Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh , thành phố trong cả nước ; Buôn bán tổng hợp; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe; Cho thuê văn phòng.
- ✓ Cửa xe bảo gỗ và bảo quản gỗ
- ✓ Mua bán gỗ các loại
- ✓ Sản xuất giường tủ, bàn, ghế bằng gỗ
- ✓ Khai thác, đá, cát, sỏi, đất sét, cắt tạo dáng và hoàn thiện đá
- ✓ Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

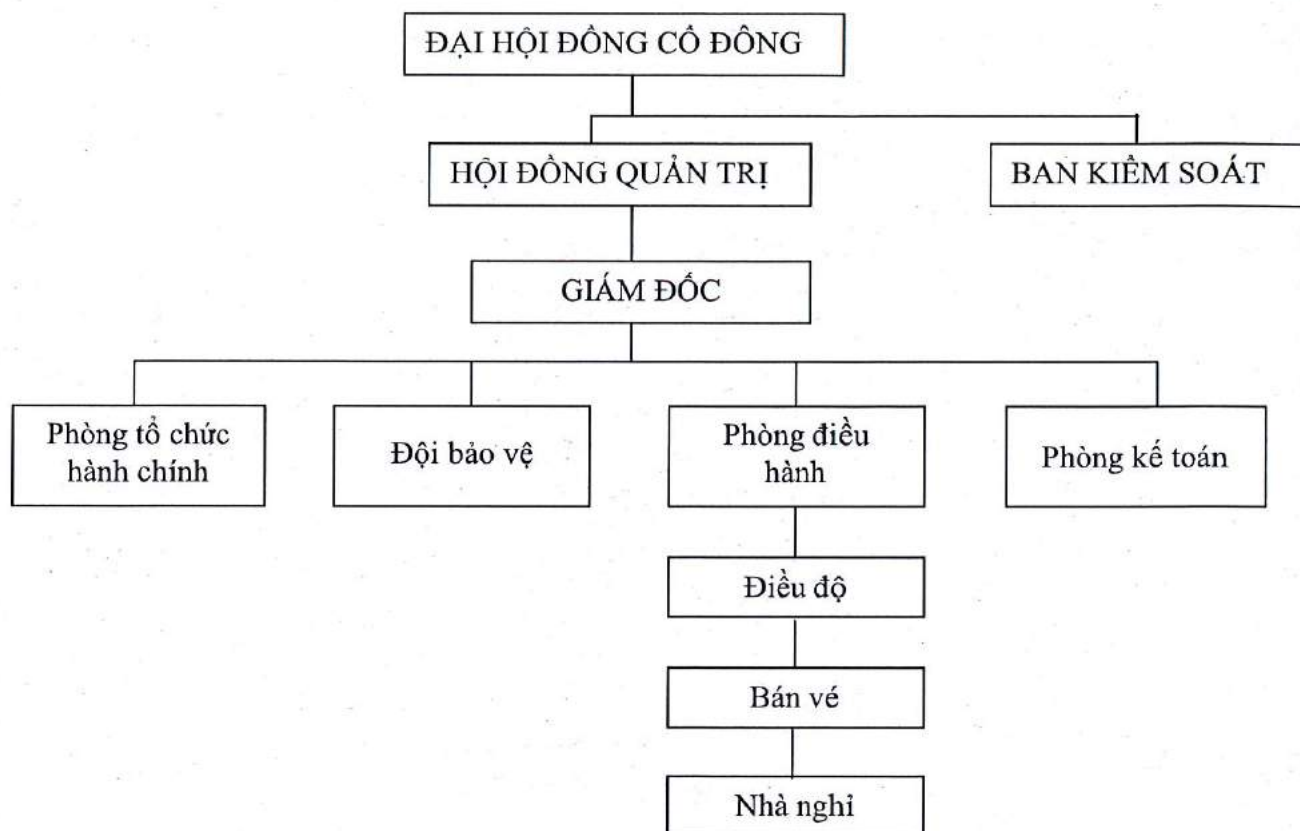
**b) Địa bàn kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh được thực hiện chủ yếu trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

**a) Mô hình quản trị - Cơ cấu bộ máy quản lý**





**b) Các công ty con, công ty liên kết**

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

**5. Định hướng phát triển**

**a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty**

- Khai thác tiềm năng thế mạnh về dịch vụ của địa phương cũng như của các vùng, miền, lãnh thổ để phát triển kinh doanh, nhằm góp phần vào công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Giải quyết công việc làm cho nhân dân trong tỉnh, nhất là người dân tộc thiểu số; góp phần giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Đầu tư xây dựng bến bãi và phương tiện giao thông phục vụ khách hàng chất lượng cao thực hiện theo tiêu chuẩn Việt Nam, quốc tế, đáp ứng nhu cầu sử dụng phương tiện dịch vụ công cộng ngày càng tăng về cả số lượng lẫn chất lượng của thị trường trong cả nước và quốc tế. Góp phần vào công tác vận tải hành khách của cả nước, nâng cao uy thế của Việt Nam trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.



- Không ngừng tăng cao doanh lợi cho Công ty để thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước, cho cán bộ công nhân viên và cổ đông, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng nhanh cho cả Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

**b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn**

DLGL INDPS sẽ thực hiện chiến lược thâm nhập và phát triển thị trường, lấy ngành nghề kinh doanh cốt lõi làm bàn đạp để thực hiện phát triển sang các lĩnh vực khác. Tập trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch vụ, mở rộng kinh doanh, đảm bảo tăng trưởng vượt bậc doanh thu và lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa niềm kỳ vọng mà cổ đông tin tưởng. Trong tương lai, DLGL INDPS sẽ tập trung phát triển các lĩnh vực sau:

- Xây dựng và phát triển hệ thống bến xe bãi đỗ hiện đại và khu vực nhà ga hành khách khép kín, hiện đại với không gian thoáng mát tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và nhân rộng mô hình này ra cả nước theo chủ trương xã hội hóa đầu tư của Chính phủ;
- Phát triển các dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ cho phương tiện vận tải đường bộ;
- Phát triển kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách công cộng các tuyến nội tỉnh Gia Lai, đưa lĩnh vực này trở thành lĩnh vực kinh doanh thường xuyên của Doanh nghiệp;
- Phát triển các loại hình dịch vụ khác như cho thuê kiốt, cho thuê kho hàng hóa, cho thuê văn phòng và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.
- Thống nhất mục tiêu đưa doanh nghiệp phát triển bền vững là đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động nguồn lực từ bên ngoài.

**c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty**

Để đáp ứng yêu cầu phát triển theo chiến lược đề ra, DLGL INDPS cũng đã hoàn tất việc thiết lập, vận hành hệ thống chất lượng dịch vụ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. CBCNV của Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tận tình phục vụ với phương châm “Bến xe là nhà, CBCNV là chủ”, Bến xe Liên tỉnh Đức Long Gia Lai hiệu quả cao hơn áp dụng quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000. Công ty luôn thu hút



nguồn nhân lực lớn, giúp giải quyết vấn đề việc làm cho nhiều người trong địa phương cũng như các tỉnh lân cận.

## **6. Các rủi ro**

Những tác động không thuận của tình hình thế giới và khu vực đã ảnh hưởng trực tiếp đến du lịch, vận tải, ... Cân đối ngân sách nhà nước khó khăn, đã phải sử dụng hết các tiềm lực tài chính; huy động nguồn trái phiếu chính phủ ở mức cao và cả việc sử dụng bội chi để bù đắp chi thường xuyên, ảnh hưởng đến việc thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội không chỉ cho năm nay mà sẽ không đủ vốn đầu tư bố trí phục vụ tăng trưởng cho các năm tiếp theo...

Năm 2015, nền kinh tế trong nước liên tục nhận được nhiều chính sách hỗ trợ từ Nhà nước: Lãi suất cho vay giảm, thủ tục cho vay được nới rộng hơn, ... Giá xăng, dầu là nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Năm 2015, sức mua của thị trường giảm, giá xăng dầu biến động (lên, xuống) không ngừng, giá cả vật tư và các mặt hàng khác có xu hướng tăng, người dân thắt chặt chi tiêu đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai cũng không ngoại lệ.

## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2015**

Nền kinh tế trong năm 2015 Chính phủ đưa ra các công cụ chính sách vĩ mô điều tiết nền kinh tế như: Giảm cung tiền, phát hành trái phiếu chính phủ, hạn chế tốc độ tăng trưởng tín dụng, chính sách về tỷ giá hối đoái, lãi suất chiết khấu và gần đây nhất là thay đổi lãi suất cơ bản. Đã góp phần kìm hãm lạm phát và bình ổn được thị trường. Trong khi đó, dòng vốn đổ vào thị trường bất động sản, thị trường chứng khoán ngày một suy giảm. Những khó khăn chung của nền kinh tế cũng làm ảnh hưởng rất lớn đến DLGL INDPS.

Vượt qua những khó khăn và thách thức, nền kinh tế năm 2015 nhìn chung đã có chuyển biến tích cực, lạm phát được kiểm soát và thấp nhất trong



những năm trở lại đây, kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế đã ổn định hơn so với năm trước.

Kể từ ngày chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần ngày 21/12/2007 đến nay Công ty đã có bước tăng trưởng khá cao và ổn định, nó tạo cho tình hình tài chính lành mạnh, hoạt động có hiệu quả, tỷ lệ lợi nhuận tuy chưa đạt kế hoạch đặt ra, nhưng đời sống cán bộ công nhân viên được đảm bảo.

**b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch**

**Bảng 1: Tổng hợp kết quả kinh doanh**

DVT: Đồng

| Năm  | Tổng Doanh thu | Tăng trưởng Doanh thu | Lợi nhuận sau thuế | Tăng trưởng Lợi nhuận |
|------|----------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| 2008 | 15.084.614.803 | -                     | 2.365.466.781      | -                     |
| 2009 | 15.383.124.290 | 1,98%                 | 4.891.799.721      | 106,80%               |
| 2010 | 18.956.820.206 | 23,23%                | 7.500.358.663      | 53,33%                |
| 2011 | 20.480.188.511 | 7,98%                 | 6.202.068.530      | -17,3%                |
| 2012 | 19.239.694.586 | -6,05%                | 4.371.848.920      | -29,5%                |
| 2013 | 19.096.147.497 | -0,75%                | 2.212.017.050      | -49,40%               |
| 2014 | 22.416.350.524 | 17,39%                | 3.392.975.120      | +53,39%               |
| 2015 | 20.595.601.937 | -8,12%                | 4.236.220.994      | +24,85%               |

*Nguồn: Số liệu báo cáo tài chính theo các năm (đã được kiểm toán)*

Bảng tổng hợp số liệu trên cho thấy nỗ lực của toàn thể CBCNV Công ty và quyết tâm của Ban Lãnh đạo để tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận cao và ổn định để từng bước nâng cao vị thế Công ty và đời sống của CBCNV.

Công ty đang tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ bến xe, bãi đỗ, cho thuê văn phòng, dịch vụ vui chơi và giải trí. Đặc biệt là dịch vụ vận tải hành khách, nhằm đáp ứng và thoả mãn cao nhất nhu cầu vận tải.

Ngoài ra, doanh nghiệp phát triển bền vững là đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động nguồn lực từ bên ngoài.



**2. Tổ chức và nhân sự**

**a) Danh sách Ban điều hành**

• **Ông Nguyễn Tân Tiến: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Sở hữu 0.7% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Nguyễn Tân Tiến

Sinh năm: 02/03/1969

Nguyên quán: Du Tụ - TT Tăng Bạt Hổ - Hoài Ân - Bình Định

Cư trú: Du Tụ - TT Tăng Bạt Hổ - Hoài Ân - Bình Định

Điện thoại: 0914 239 005

Trình độ: Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

- Từ 1987 - 1991: Bộ đội

- Từ 1992 - 2004: Kinh doanh vận tải

- Từ 2005 - nay: Giám đốc Công ty TNHH Đức Long Dung Quất

- Từ 5/2015 - nay: Thành viên HĐQT Công ty ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

- Từ 6/2015 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Bùi Pháp: Ủy viên Hội đồng quản trị. Đại diện CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai sở hữu 54.671% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Bùi Pháp

Sinh năm: 09/11/1962

Nguyên quán: Huyện Hoài Ân - Tỉnh Bình Định

Cư trú: 03 - Trần Quang Khải - Pleiku - Gia Lai

Điện thoại: (059) 748 789

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

- Từ 1995 - 12/06/2007: Giám đốc Xí Nghiệp tư doanh Đức Long Gia Lai.

- Từ 13/06/2007 - 16/01/2010: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

- Từ 17/01/2007 - nay : Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

• **Ông Nguyễn Đình Trạc: Ủy viên Hội đồng quản trị. Sở hữu 4.667% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Nguyễn Đình Trạc  
Sinh năm: 20/06/1957  
Nguyên quán: Nhơn Hòa – An Nhơn – Tỉnh Bình Định  
Cư trú: 06B – Trần Cao Vân – Pleiku – Gia Lai  
Điện thoại: (059) 747 206  
Trình độ: Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

- Từ 1976 – 1989: Kế toán Lâm trường An Hội, An Khê, Gia Lai
- Từ 1990 – 2001: Kế toán trưởng Cty trồng rừng nguyên liệu công nghiệp Gia Lai
- Từ 2002 – 2004: Giám đốc sản xuất XNTD Đức Long Gia Lai
- Từ 2005 - 05/2007: Trợ lý Giám đốc XNTD Đức Long Gia Lai
- Từ 06/2007 – 16/01/2010: Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 17/01/2010 – 31/12/2013: Tổng Giám đốc CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 1/1/2014 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.

• **Ông Phạm Anh Hùng: Ủy viên Hội đồng quản trị. Sở hữu 0% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Phạm Anh Hùng  
Sinh năm: 31/10/1972  
Nguyên quán: Nghĩa Dong – Tư Nghĩa – Quảng Ngãi  
Cư trú: Tổ 4 – P. Thống Nhất – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai  
Điện thoại: (059). 3829021  
Trình độ: Cử nhân Luật

**Quá trình công tác:**

- Từ 2000 - 2005: Nhân viên kinh doanh nông sản tại Công ty XNK tỉnh Gia Lai
- Từ 2006 - 2010: Nhân viên kinh doanh nông sản Công ty TNHH An Lạc – IaGrai – Gia Lai
- Từ 11/2010 – 4/2011 : Trợ lý Chủ tịch HĐQT – CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai



- Từ 4/2011 – nay: Thành viên HĐQT Công ty TNHH khai thác chế biến khoáng sản Đức Sang Gia Lai.
- Từ 1/1/2014 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai.
- Từ 13/05/2014 – 11/6/2015: Chủ tịch HĐQT Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Lê Hoàng Ngọc: Ủy viên Hội đồng quản trị. Sở hữu 0.073% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Lê Hoàng Ngọc  
Sinh năm: 04/06/1981  
Nguyên quán: Yên Viên – Gia Lâm – Hà Nội  
Cư trú: Tổ 3 – P. Trà Bá – Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.  
Điện thoại: (059)3 829 021  
Trình độ: Chuyên viên kinh tế.

**Quá trình công tác:**

- Từ 2005 - 2008: Nhân viên Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.
- Từ 2008 – 2012: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai.
- Từ 2013 – 9/2014: Giám đốc Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Chu Sỹ Hoạt: Giám đốc – Người đại diện pháp luật. Sở hữu 0.073% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Chu Sỹ Hoạt  
Sinh năm: 25/10/1972  
Nguyên quán: Cương Gián – Nghi Xuân – Hà Tĩnh  
Cư trú: Tổ 4 – Phường Thắng Lợi – TP. Pleiku – Gia Lai  
Điện thoại: (059) 3 829 021  
Trình độ: Cao Đẳng

**Quá trình công tác:**

- Từ 2001 – 2005: Trưởng phòng bán vé – Bến xe liên tỉnh Gia Lai
- Từ 1/2006 – 2008: Kế hoạch Điều độ - Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.
- Từ 7/2009 – 7/2009: Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Đức Long Gia Lai.

- Từ 10/2009 – 8/2014: Cán bộ phòng Kế hoạch điều độ- Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.
- Từ 9/2014 – nay: Giám đốc - Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai.

• **Bà Trần Thị Kim Cúc: Trưởng Ban kiểm soát. Sở hữu 0.073% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Trần Thị Kim Cúc  
Sinh năm: 15/07/1982  
Nguyên quán: Ân Tường Đông - Hoài Ân- Bình Định  
Cư trú: 02 – Đặng Trần Côn– Tp. Pleiku – tỉnh Gia Lai.  
Điện thoại: (059)3 829 021  
Trình độ: Kế toán viên.

**Quá trình công tác:**

- Từ 2004-2006: Đi học
- Từ 2006-2009: Nhân viên thu ngân Bến xe Đức Long Gia Lai
- Từ 2009 - nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty

• **Bà Lý Thị Bắc: Thành viên Ban kiểm soát.**

Tên: Lý Thị Bắc  
Sinh năm: 07/08/1988  
Nguyên quán: Xã Phúc Lương – Huyện Đại Từ – Tỉnh Thái Nguyên  
Cư trú: Hà Đông – Đak Đoa– tỉnh Gia Lai.  
Điện thoại: 0592.211.564  
Trình độ: Đại học

**Quá trình công tác:**

Nhân viên công ty CPDDTPT DVCTCC Đức Long Gia Lai.

• **Ông Vũ Văn Nghĩa: Thành viên Ban kiểm soát.**

Tên: Vũ Văn Nghĩa  
Sinh năm: 20/01/1986  
Nguyên quán: Phú Xuyên – Hà Nội  
Cư trú: Xã Ia Kha – huyện Ia Grai – Gia Lai  
Điện thoại: (059)3 829 021  
Trình độ: Trung cấp giao thông vận tải.

**Quá trình công tác:**

- Từ 3/2009 – 11/2012: Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai



- Từ 12/2012 – 2/2014: Nhân viên thanh tra xe buýt Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 3/2014 – 4/2015: Nhân viên kế hoạch điều độ Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai
- Từ 5/2015 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP ĐTPT DV CTCC Đức Long Gia Lai

• **Bà Hà Thị Phương Oanh: Kế toán trưởng. Sở hữu 0.073% cổ phần có quyền biểu quyết.**

Tên: Hà Thị Phương Oanh  
Sinh năm: 02/12/1981  
Nguyên quán: Hưng Nghĩa – Phước Nghĩa – Tuy Phước – Bình Định  
Cư trú: 30/1/26 Trần Quý Cáp – Pleiku – Gia Lai  
Điện thoại: (059)3 829 021  
Trình độ: Cao đẳng kế toán.

**Quá trình công tác:**

- Từ 2004 - 2006: Kế toán XNTD Đức Long
- Từ 2006 - nay : Kế toán Công ty CPĐT PTDV CTCC Đức Long Gia Lai.

**b) Những thay đổi trong Ban điều hành**

• **Về thành viên Hội đồng quản trị:**

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 29/05/2015, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị theo đơn xin từ nhiệm tại Đại hội của ông Nguyễn Văn Nguyên.

- Tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên vào HĐQT nhiệm kỳ 2013 -2018 là ông Nguyễn Tân Tiến.

• **Về Thành viên Ban kiểm soát:**

- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai diễn ra ngày 29/05/2015, Đại hội đã thống nhất miễn nhiệm 01 thành viên Ban kiểm soát theo đơn xin từ nhiệm tại Đại hội của ông Châu Thanh Hà.

- Tiến hành bầu bổ sung 01 thành viên vào Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013 -2018 là ông Vũ Văn Nghĩa.

- **Thay đổi chức danh lãnh đạo Công ty**

- Theo Quyết định số 01/QĐ-HĐQT-DL1 ngày 11/06/2015 về việc bầu chức danh thành viên HĐQT Công ty. Theo quyết định này, HĐQT công ty thống nhất ông Nguyễn Tân Tiến giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11/06/2015.

- c) **Chính sách đối với người lao động**

Về công tác nhân sự, một mặt Công ty sắp xếp một số nhân sự hiện có, động viên CBCNV đào tạo để nâng cao trình độ để có đủ khả năng đảm nhận công việc theo yêu cầu mới. Mặt khác Công ty tích cực tuyển dụng nhân viên có năng lực, kinh nghiệm để đảm nhận công việc. DLGL INDPS cũng làm tốt công tác đào tạo, tuyển dụng nhân sự cho bộ máy của mình và xây dựng đội ngũ dự bị cho việc quản lý, điều hành các dự án mới. Tính đến 31/12/2015, tổng số nhân sự làm việc trong Công ty là 90 người, tuy nhiên việc tuyển dụng các nhân sự quản lý có năng lực còn gặp không ít khó khăn do nguồn cung lao động còn thiếu và sức hút lao động của DLGL INDPS chưa cao.

### 3. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài chính

| STT | Chỉ tiêu                          | Năm 2014       | Năm 2015       | % tăng giảm |
|-----|-----------------------------------|----------------|----------------|-------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản              | 53.894.495.728 | 54.973.955.618 | +2,003%     |
| 2   | Doanh thu thuần                   | 22.416.350.524 | 20.595.601.937 | -8,122%     |
| 3   | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 4.624.623.486  | 5.549.311.982  | +19,995%    |
| 4   | Lợi nhuận khác                    | -298.394.827   | -27.196.659    | -90,886%    |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế              | 4.326.228.659  | 5.522.115.323  | +27,643%    |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế                | 3.392.975.120  | 4.236.220.994  | +24,853%    |
| 7   | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức        | 1.080          | 1.348          | +24,815%    |



## b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| STT | Các chỉ tiêu   | Năm 2014 | Năm 2015 | Ghi chú |
|-----|--|----------|----------|---------|
| 1   | <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>                               |          |          |         |
|     | + Hệ số thanh toán ngắn hạn:<br>TSLD/Nợ ngắn hạn                     | 5.38     | 9.15     |         |
|     | + Hệ số thanh toán nhanh:<br>(TSLD- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn        | 5.38     | 9.15     |         |
| 2   | <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>  |          |          |         |
|     | + Hệ số Nợ/Tổng tài sản  | 0.17     | 0.11     |         |
|     | + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu  | 0.21     | 0.12     |         |
| 3   | <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>                                |          |          |         |
|     | + Vòng quay hàng tồn kho:<br>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân | 0        | 0        |         |
|     | + Doanh thu thuần/Tổng tài sản                                       | 0.42     | 0.37     |         |
| 4   | <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>                                 |          |          |         |
|     | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                           | 0.15     | 0.21     |         |
|     | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                            | 0.08     | 0.09     |         |
|     | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                              | 0.06     | 0.08     |         |
|     | + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ...        | 0.21     | 0.27     |         |

## 4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

## a) Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu niêm yết: 3.142.026 cổ phiếu (Ba triệu, một trăm bốn hai nghìn, không trăm hai mươi sáu cổ phiếu)
- Loại cổ phiếu đang lưu hành: cổ phiếu phổ thông. Công ty không có cổ phiếu ưu đãi
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết: 31.420.260.000 đồng (Ba mươi một tỷ, bốn trăm hai mươi triệu, hai trăm sáu mươi nghìn đồng)
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 3.142.026 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.

## b) Cơ cấu cổ đông

| Tiêu chí phân loại  | Cổ đông                      | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ (%) | Tổng cộng số cổ đông | Tổng cộng số cổ phiếu |
|---------------------|------------------------------|------------------|---------------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|
| Tỷ lệ sở hữu        | Cổ đông lớn ( từ 5% trở lên) | 02               | 1.922.522                 | 61,187            | 214                  | 3.142.026             |
|                     | Cổ đông nhỏ                  | 212              | 1.219.504                 | 38,813            |                      |                       |
| Loại cổ đông sở hữu | Cổ đông tổ chức              | 19               | 1.943.444                 | 61,853            | 214                  | 3.142.026             |
|                     | Cổ đông cá nhân              | 195              | 1.198.582                 | 38,147            |                      |                       |
| Cổ đông khác        | Cổ đông trong nước           | 207              | 2.900.957                 | 92,328            | 214                  | 3.142.026             |
|                     | Cổ đông nước ngoài           | 7                | 241.069                   | 7,672             |                      |                       |

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt ngày 28/09/2015

## c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

(Không có thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu)

## III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2015 là năm mà nền kinh tế có nhiều biến động, tình hình kinh tế thế giới diễn biến hết sức phức tạp và khó lường. Cuộc khủng hoảng toàn cầu từ năm 2008 đã làm cho các doanh nghiệp trên toàn thế giới gặp không ít khó khăn. Bước sang năm 2015, giá vàng biến động, bên cạnh đó, năm 2015 là một năm đầy biến động của tỷ giá, trong bối cảnh đồng USD tăng giá do kỳ vọng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) điều chỉnh tăng lãi suất và Trung Quốc bất ngờ điều chỉnh mạnh tỷ giá đồng Nhân dân tệ kéo theo làn sóng giảm giá mạnh của các đồng tiền của các đối tác thương mại chính của Việt Nam.

Ở trong nước, ngành giao thông vận tải cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng, kéo theo ngành dịch vụ bến xe bãi đỗ cũng bị ảnh hưởng tiếp theo. Tuy nhiên



Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã không ngừng nỗ lực phấn đấu đạt được kết quả sản xuất kinh doanh của mình theo kế hoạch đã được Hội đồng quản trị đề ra.

Với tình hình như vậy, trong năm 2015 Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai đã có những thuận lợi, khó khăn như sau:

**Thuận lợi:**

- Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn Đức Long Gia Lai về mọi mặt và sự hợp tác giúp đỡ của các đơn vị thành viên trong Tập đoàn.
- Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV của Công ty có sự đoàn kết nhất trí cao, tâm huyết vì mục tiêu phát triển của Công ty.
- Giá xăng dầu trong năm 2015 liên tục điều chỉnh giảm giúp chi phí sản xuất giảm đáng kể.
- Hoạt động kinh doanh của Công ty được mở rộng, không những chỉ cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ mà còn có cả các dịch vụ kèm theo như cho thuê văn phòng, cho thuê Kiot và kinh doanh thương mại....

**Khó khăn:**

- Lượng hành khách đi lại giao thương giữa các vùng miền có chiều hướng giảm, chính sách ưu đãi giảm giá vé máy bay đã làm cho các hãng vận tải gặp phải không ít khó khăn.
- Hiện tượng một số hãng xe tổ chức đón khách không qua bến, tình trạng “xe dù”, “bến cóc” hiện vẫn đang còn phổ biến ở địa bàn thành phố Pleiku là một bài toán nan giải của ngành giao thông vận tải tỉnh Gia Lai.
- Chính sách thắt chặt tiền tệ của Chính phủ đã làm cho việc kinh doanh của các Doanh nghiệp gặp không ít khó khăn kéo theo nhu cầu giao thương đi lại của người dân sụt giảm.

➤ Nguồn lực về đội ngũ quản lý của Công ty còn bị hạn chế, đội ngũ cán bộ quản lý còn mỏng, năng lực chuyên môn và quản lý còn chưa đáp ứng được với mô hình và quy mô phát triển của Công ty.

## 2. Tình hình tài chính

| Chỉ tiêu                        | ĐVT | Năm 2014 | Năm 2015 |
|---------------------------------|-----|----------|----------|
| <b>1. Cơ cấu tài sản</b>        |     |          |          |
| - Tài sản cố định/Tổng tài sản  | %   | 46,907   | 43,406   |
| - Tài sản lưu động/Tổng tài sản | %   | 52,984   | 55,897   |
| - Hiệu suất sử dụng TSCĐ        | Lần | 0,89     | 0,86     |
| <b>2. Cơ cấu nguồn vốn</b>      |     |          |          |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn    | %   | 17,116   | 11,038   |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | %   | 82,884   | 88,962   |
| <b>3. Khả năng thanh toán</b>   |     |          |          |
| - Khả năng thanh toán nhanh     | Lần | 5,377    | 9,151    |
| - Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 5,377    | 9,151    |
| <b>4. Tỷ suất lợi nhuận</b>     |     |          |          |
| - LNTT/Tổng tài sản             | %   | 8,027    | 10,045   |
| - LNST/Doanh thu thuần          | %   | 15,136   | 20,569   |
| - LNST/Vốn chủ sở hữu           | %   | 7,596    | 8,662    |

- **Tình hình nợ phải trả:** Đối với chỉ số khả năng thanh toán nhanh và khả năng thanh toán hiện hành đạt 9,151 lần, cho thấy Công ty hoàn toàn có thể trả ngay tất cả các khoản nợ bằng tiền khi đến hạn và cùng một lúc tất cả các hợp đồng tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đồng thời các khoản nợ vay, lãi vay được thanh toán nhiều kỳ trong năm. Tuy nhiên các chỉ số này của Công ty hiện nay quá cao nên Ban điều hành Công ty sẽ có kế hoạch khai thác triệt để thế mạnh về vốn để nâng cao hiệu quả đầu tư trong những năm tiếp theo.

- **Tình hình tài sản:** Đặc thù Công ty là kinh doanh dịch vụ, hiện tại Công ty sử dụng vốn đầu tư vào TSCĐ nhưng hiệu suất sử dụng của TSCĐ chưa cao. Hiệu suất sử dụng TSCĐ năm 2014 là 0,89 lần, năm 2015 giảm xuống 0,86 lần. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định thấp dẫn đến khả năng sinh lời TSCĐ chưa đạt.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

✚ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý:



➤ Kiện toàn tổ chức hoạt động của Công ty, cập nhật, hoàn thiện, điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

✚ **Các biện pháp kiểm soát:** Trong năm qua, mặc dù tình hình kinh doanh trong lĩnh vực vận tải lĩnh vực cung cấp dịch vụ bến xe bãi đỗ gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên các chỉ tiêu SXKD chính như Doanh thu và Lợi nhuận vẫn được Công ty duy trì và có sự vượt trội. Kết quả đạt được như trên là do:

➤ Chủ trương lãnh đạo của Hội đồng quản trị Tập đoàn Đức Long Gia Lai (Công ty mẹ) hoàn toàn xuyên suốt và đúng đắn với sự phát triển của Công ty.

➤ Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV của Công ty đã tập trung về mọi mặt để đảm bảo Công ty hoạt động tốt đồng thời khai thác tối đa mọi nguồn lực để đảm bảo Công ty hoạt động liên tục.

➤ Công ty đã quản lý chặt chẽ các khoản chi phí, kiểm soát toàn bộ quá trình vận hành hệ thống xe buýt... đảm bảo hiệu quả SXKD đạt mức tối ưu.

➤ Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000...

➤ Các nguồn vốn đã được cơ cấu lại một cách hợp lý để giảm đến mức thấp nhất chi phí vốn vay...

➤ Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

✚ **Các chỉ tiêu chủ yếu trong kế hoạch kinh doanh năm 2016:**

- Doanh thu : 220 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 20 tỷ đồng
- Cổ tức dự kiến : 1000 đồng/CP

✚ **Các căn cứ lập kế hoạch:**

- *Công tác kinh doanh:*

Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, phát huy thế mạnh của kết quả hoạt động những năm đã qua, đầu tư đổi mới công nghệ, trang thiết bị  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015**



quản lý lao động, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, duy trì các đối tác, khách hàng truyền thống, đồng thời tìm kiếm, mở rộng thị trường, ... đảm bảo tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước.

➤ *Chiến lược nhân sự và công tác xây dựng bộ máy:*

- Nhân sự luôn là vấn đề nòng cốt và đi đầu cho sự phát triển của Công ty. Chính vì vậy, Ban Giám đốc sẽ tập trung nghiên cứu, đề ra các chính sách để khuyến khích lực lượng cán bộ - nhân viên và cán bộ chủ chốt hiện đang cống hiến gắn bó với Công ty, đồng thời thực hiện chính sách thu hút nhân tài, nhất là cán bộ cấp cao có đủ năng lực trình độ về làm việc cho Công ty;

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, phân cấp, ủy quyền quản lý, phát huy tính năng động, sáng tạo và tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật Nhà nước.

- Duy trì và cải tiến các quy trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000.

- Điều chỉnh, cải tiến các quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty phù hợp với yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh và đầu tư trong từng thời kỳ.

➤ *Công tác quản trị tài chính kế toán:*

- Công tác hạch toán kế toán đầy đủ, kịp thời và hiệu quả tuân thủ theo các quy định về hạch toán hiện hành, đảm bảo cân đối được nguồn vốn để triển khai được các dự án của Công ty và cũng để thực hiện thành công chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Quan hệ chặt chẽ với các cơ quan chức năng của Nhà nước để nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của Nhà nước đối với hoạt động của Công ty, các định chế tài chính và khách hàng để tư vấn, đem lại hiệu quả cao cho Công ty, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông cũng như khách hàng. Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

➤ *Công tác đầu tư:*

- Tập trung nghiên cứu và thực hiện các dự án bên xe mang thương hiệu **Đức Long Gia Lai** rộng ra khắp cả nước, nghiên cứu kỹ phân kỳ đầu tư theo



từng giai đoạn để phù hợp với thực tế và thị trường nhằm đạt hiệu quả cao. Trong năm 2016 - 2017 tập trung vào:

- + Dự án mở tuyến phục vụ vận tải hành khách công cộng;
- Mở rộng được ngành nghề kinh doanh, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Trong năm 2015, nền kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi, kinh tế trong nước dần được khôi phục, lạm phát được kiềm chế, lãi suất ngân hàng liên tục giảm,... Cũng trong năm qua, nhiều công trình kết cấu hạ tầng giao thông trên tất cả các lĩnh vực từ đường bộ, đường sắt, cảng biển, đường thủy và hàng không trong cả nước đã được đầu tư hoàn thiện, đưa vào khai thác là những thuận lợi rất lớn cho lĩnh vực giao thông và các bến bãi.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn rất nhiều khó khăn, đó là:

- Sức mua của thị trường giảm, giá xăng dầu biến động (lên, xuống) không ngừng, giá cả vật tư và các mặt hàng khác có xu hướng tăng, người dân thắt chặt chi tiêu đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và Công ty CP Đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai cũng không ngoại lệ.

- Việc ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm chấn chỉnh và đưa hoạt động kinh doanh vận tải vào nề nếp, như: kiểm soát tải trọng phương tiện, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong hoạt động vận tải; triển khai ký cam kết về thực hiện kiểm soát tải trọng phương tiện; chấn chỉnh công tác an toàn giao thông, công tác quản lý, điều hành vận tải... đã tạo ra vừa thuận lợi, đồng thời vừa là khó khăn cho các doanh nghiệp vận tải và các bến xe khách trong việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình;



- Tình trạng "xe dù, bến cóc" tồn tại nhiều năm trên địa bàn thành phố Pleiku, nhất là vào dịp cuối năm, đã làm thất thu và gây không ít khó khăn cho hoạt động của Bến xe;

- Việc mở rộng kinh doanh và áp dụng chính sách giảm giá của các phương tiện vận tải khác, nhất là đường hàng không cũng đã thu hút không ít khách hàng của lĩnh vực giao thông đường bộ.

Từ đó hàng loạt các loại hàng hóa đều điều chỉnh theo tỷ lệ nhất định nhưng Công ty Cổ phần đầu tư phát triển dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (DL1) không những đứng vững mà còn đạt kết quả khả quan, với tốc độ tăng trưởng bền vững cả hai mặt chất và lượng.

Những kết quả mà DL1 đã đạt được trong năm 2015 vừa qua: Tổng doanh thu 20,5 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 4,2 tỷ đồng. Tình hình kinh tế có nhiều chuyển biến phức tạp, tài chính tiền tệ bị thắt chặt, thị trường chứng khoán bất ổn, nhưng cổ phiếu DL1 vẫn giữ và tăng giá, đáp ứng được kì vọng của cổ đông khi gửi gắm niềm tin vào cổ phiếu DL1.

So với nhiều Doanh nghiệp trên địa bàn gặp nhiều khó khăn không đủ điều kiện để hoạt động, Bến xe Đức Long Gia Lai vẫn đảm bảo công ăn việc làm cho cán bộ công nhân viên có đời sống ổn định, doanh thu ổn định và tăng đều qua hàng năm, đồng thời hợp tác các thành phần kinh tế khác thành lập tổ tuyến xe cố định khai thác từ bến xe Đức Long Gia Lai đi các tỉnh và thành phố trong toàn quốc.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc Công ty**

Ban Giám đốc trong năm 2015 đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT trong việc triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Các nội dung chính Ban Giám đốc thực hiện như sau:

- Hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng hạn Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014; báo cáo tài chính quý IV/2014; báo cáo tài chính quý I, II và



III năm 2015; báo cáo tài chính 6 tháng năm 2015 đã được kiểm toán; báo cáo thường niên năm 2014.

- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2015 theo đúng quy định của pháp luật vào ngày 29/05/2015.

- Đơn đốc và giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2015 – 2017, trọng tâm kế hoạch năm 2015 với tổng doanh thu 80 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế là 12 tỷ đồng.

- Công tác giám sát, đánh giá đã giúp Ban Giám đốc điều hành công việc nhất quán và hiệu quả, tuân thủ Điều lệ Công ty nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Với các cán bộ quản lý khác, HĐQT căn cứ chức danh nhiệm vụ được phân công, đối chiếu với kết quả hoàn thành, làm thước đo để đánh giá, bổ nhiệm điều động vào các vị trí thích hợp và thực hiện chế độ đãi ngộ thỏa đáng. Thực hiện đúng và đầy đủ công tác kiểm toán định kỳ hàng năm.

- Giám sát các hoạt động khác diễn ra trong công ty.

### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Công ty luôn vững tin với những kết quả đạt được và trên tinh thần “nói là làm”, HĐQT sẽ cụ thể hóa Nghị quyết của Đại hội chỉ đạo, giám sát Ban giám đốc bằng những hành động cụ thể, tập trung thật tốt công tác quản lý và triển khai các hoạt động dịch vụ, đảm bảo tăng trưởng doanh thu lợi nhuận, đáp ứng nhiều hơn nữa kì vọng mà cổ đông tin tưởng. Với các định hướng như sau:

- Đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.
- Mở rộng được ngành nghề, nâng cao được vị thế và năng lực tài chính, gia tăng được doanh thu, lợi nhuận và tăng lợi ích của cổ đông.
- An toàn tuyệt đối trong sản xuất.
- Làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước.
- Phát huy các mối quan hệ bền chặt với khách hàng, đối tác và nhà đầu tư.

- Kết hợp chặt chẽ giữa chính quyền và Công đoàn chăm lo đời sống cho người lao động.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

| STT | Thành viên HĐQT      | Chức vụ  | Tỷ lệ sở hữu cổ phần                                   | Ghi chú              |
|-----|----------------------|----------|--|----------------------|
| 1.  | Ông Nguyễn Tân Tiến  | Chủ tịch | 0.7%   | Thành viên điều hành |
| 2.  | Ông Bùi Pháp         | Ủy viên  | Đại diện CTCP Tập đoàn Đức Long Gia Lai sở hữu 54.671% | Thành viên độc lập   |
| 3.  | Ông Nguyễn Đình Trạc | Ủy viên  | 4.667%   | Thành viên độc lập   |
| 4.  | Ông Phạm Anh Hùng    | Ủy viên  | 0%   | Thành viên độc lập   |
| 5.  | Ông Lê Hoàng Ngọc    | Ủy viên  | 0.073%   | Thành viên độc lập   |

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu.

#### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Trong năm 2015, HĐQT Công ty đã thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã đề ra; thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

- Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 06 cuộc họp HĐQT. Qua đó HĐQT đã ban hành được 04 Nghị quyết và 03 Quyết định.

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày       | Nội dung  |
|-----|---------------------------|------------|---|
| 1   | 01/NQ-HĐQT-DL1            | 27/03/2015 | Về việc thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội cổ đông 2015.                                       |
| 2   | 02/NQ-HĐQT-DL1            | 10/04/2015 | Về việc gia hạn tổ chức Đại hội cổ đông 2015 và Quyết định thời gian tổ chức dự kiến tháng 5/2015 |



|   |                  |            |  |
|---|------------------|------------|--|
| 3 | 01/QĐ-HĐQT-DL1   | 11/06/2015 | Về việc bầu chức danh Chủ tịch HĐQT Công ty.                         |
| 4 | 05/NQ-HĐQT-DL1   | 15/07/2015 | Thông qua Hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần       |
| 5 | 06/QĐ - HĐQT-DL1 | 12/9/2015  | Về việc chốt DSCĐ để thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản |
| 6 | 06/NQ-HĐQT-DL1   | 26/10/2015 | Về việc thông qua chào bán cổ phiếu cho 2 công ty mục tiêu           |
| 7 | 07/QĐ - HĐQT-DL1 | 13/10/2015 | Về thời hạn lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản                          |

Ngoài các cuộc họp theo định kỳ, Chủ tịch HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp hội ý thường trực HĐQT với ban Giám Đốc, đồng thời liên tục trao đổi, thống nhất chủ trương giữa các thành viên HĐQT.

**d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**

**e) Hoạt động của tiểu ban trong Hội đồng quản trị**

Công ty chưa thành lập các tiểu ban trực thuộc HĐQT mà chỉ phân công nhiệm vụ để tham mưu.

## **2. Ban kiểm soát**

### **a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát**

| STT | Thành viên Ban kiểm soát | Chức vụ    | Tỷ lệ sở hữu cổ phần |
|-----|--------------------------|------------|----------------------|
| 1   | Trần Thị Kim Cúc         | Trưởng ban | 0.073%               |
| 2   | Lý Thị Bắc               | Thành viên | 0%                   |
| 3   | Vũ Văn Nghĩa             | Thành viên | 0%                   |

### **b) Hoạt động của Ban kiểm soát**

Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã thực hiện các hoạt động: Thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính các quý, cả năm của Công ty; kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán, các kỳ báo cáo tài chính; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông thường niên; Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan đến công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Cụ thể như sau:



- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính các quý, năm 2015 của Công ty. Kiểm tra việc thực hiện các chuẩn mực kế toán các kỳ báo cáo tài chính và đột xuất khi có yêu cầu.

- Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và tham gia báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Xem xét sổ sách kế toán và các tài liệu liên quan các công tác tài chính doanh nghiệp định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu.

- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;

- Xem xét, kiểm tra công tác ký kết các hợp đồng kinh tế;

- Xem xét, kiểm tra thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và phân chia cổ tức hàng năm;

- Báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

- Chấn chỉnh các nghiệp vụ sai sót do chuyên môn và đề xuất nhiều vấn đề cho công tác quản lý trong toàn Công ty.

### **3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

#### **a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích**

- **Mức thù lao và chi phí của Hội đồng quản trị**

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 5.000.000 đồng/tháng.

- Các thành viên Hội đồng quản trị: 2.000.000 đồng/tháng.

- Trường hợp thành viên HĐQT đang kiêm nhiệm làm việc tại Công ty sẽ không nhận thù lao.

- **Mức thù lao của thành viên Ban kiểm soát**

- Trưởng ban kiểm soát: 3.000.000 đồng/tháng.

- Các thành viên Ban kiểm soát: 2.000.000 đồng/tháng.

- Trường hợp thành viên Ban kiểm soát kiêm nhiệm công việc tại Công ty sẽ không nhận thù lao.

- **Ngoài khoản thù lao cố định như trên, căn cứ hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty đề ra đầu năm, thì các thành viên HĐQT, ban kiểm soát sẽ được thưởng:**

- 1% (một phần trăm) tính trên lợi nhuận sau thuế đạt kế hoạch lợi nhuận năm.

- 5% (năm phần trăm) tính trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch.



**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người liên quan**

*(Không có)*

**c) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty luôn chấp hành pháp luật về quản trị công ty. Để thực hiện hiệu quả trong hoạt động của công ty trong tương lai, DLGL INDPS tập trung thực hiện các kế hoạch như sau : Nâng cao năng lực quản trị điều hành của Ban lãnh đạo ; kiện toàn đội ngũ nhân sự, tuyển dụng và đào tạo đội ngũ nhân sự có đủ năng lực chuyên môn và đạo đức lối sống để thực hiện tốt các công việc của Công ty ; tăng cường giám sát hoạt động của các phòng ban chuyên môn , thực hiện tiết kiệm, cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết để mang lại hiệu quả cao trong công tác sử dụng và nâng cao hiệu quả vốn ; chuẩn hóa các quy trình cung cấp dịch vụ , áp dụng công nghệ quản lý hiện đại theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000; tăng cường công tác bảo vệ an ninh để bảo vệ tài sản và cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty.

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. Ý kiến kiểm toán**





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
**THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL**

Trụ sở chính  
 Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
 Tel: 84 511 3655886; Fax: 84 511 3655887  
 Email: aac@dnng.vn  
 Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
 47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)  
 Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
 Tel: 84 8 39102235; Fax: 84 8 39102349  
 Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 243/2016/BCKT-AAC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 13/02/2016, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài



**Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2016

Báo cáo này được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính và Thuyết minh báo cáo đính kèm

**Nguyễn Hà Trung - Kiểm toán viên**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2444-2013-010-1



**2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT  
TRIỂN DỊCH VỤ CÔNG TRÌNH CÔNG  
CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI**

**Báo cáo tài chính**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**





CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN                               | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2015<br>VND     | 01/01/2015<br>VND     |
|---------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>            | <b>100</b> |             | <b>30.728.556.184</b> | <b>28.555.503.253</b> |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110        |             | 1.174.090.626         | 268.936.518           |
| 1. Tiền                               | 111        | 5           | 1.174.090.626         | 268.936.518           |
| 2. Các khoản tương đương tiền         | 112        |             | -                     | -                     |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn         | 120        |             | -                     | -                     |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn      | 130        |             | 29.033.993.740        | 27.612.772.242        |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng   | 131        | 6           | 541.204.833           | 307.452.333           |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn   | 132        |             | -                     | 682.682.833           |
| 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn       | 135        | 7           | 28.410.121.388        | 26.507.034.000        |
| 4. Phải thu ngắn hạn khác             | 136        | 8           | 228.658.399           | 261.593.956           |
| 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137        | 9           | (145.990.880)         | (145.990.880)         |
| IV. Hàng tồn kho                      | 140        |             | -                     | -                     |
| V. Tài sản ngắn hạn khác              | 150        |             | 520.471.818           | 673.794.493           |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn         | 151        | 10.a        | 520.471.818           | 673.794.493           |
| 2. Tài sản ngắn hạn khác              | 155        |             | -                     | -                     |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>             | <b>200</b> |             | <b>24.245.399.434</b> | <b>25.338.992.475</b> |
| I. Các khoản phải thu dài hạn         | 210        |             | -                     | -                     |
| II. Tài sản cố định                   | 220        |             | 23.862.217.936        | 25.280.625.807        |
| 1. Tài sản cố định hữu hình           | 221        | 11          | 23.764.609.216        | 25.280.625.807        |
| - Nguyên giá                          | 222        |             | 36.569.354.167        | 35.635.539.608        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế              | 223        |             | (12.804.744.951)      | (10.354.913.801)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình            | 227        | 12          | 97.608.720            | -                     |
| - Nguyên giá                          | 228        |             | 170.135.000           | 58.625.000            |
| - Giá trị hao mòn lũy kế              | 229        |             | (72.526.280)          | (58.625.000)          |
| III. Bất động sản đầu tư              | 230        |             | -                     | -                     |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn           | 240        |             | -                     | -                     |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn           | 250        |             | -                     | -                     |
| VI. Tài sản dài hạn khác              | 260        |             | 383.181.498           | 58.366.668            |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn          | 261        | 10.b        | 383.181.498           | 58.366.668            |
| 2. Tài sản dài hạn khác               | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>              | <b>270</b> |             | <b>54.973.955.618</b> | <b>53.894.495.728</b> |

Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 5



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2015<br>VND     | 01/01/2015<br>VND     |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |             | <b>6.067.931.906</b>  | <b>9.224.693.010</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>3.357.931.906</b>  | <b>5.404.693.010</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 13          | 269.039.260           | 697.849.731           |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | 14          | 225.583.075           | 973.958.579           |
| 3. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 278.831.077           | 289.442.095           |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | 15          | 6.813.139             | 12.311.962            |
| 5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn           | 318        | 16          | 60.310.607            | 94.600.756            |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 17          | 451.794.681           | 600.673.486           |
| 7. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn           | 320        | 18.a        | 1.110.000.000         | 1.722.596.334         |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        |             | 955.560.067           | 1.013.260.067         |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>2.710.000.000</b>  | <b>3.820.000.000</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                  | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn            | 338        | 18.b        | 2.710.000.000         | 3.820.000.000         |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>48.906.023.712</b> | <b>44.669.802.718</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>19</b>   | <b>48.906.023.712</b> | <b>44.669.802.718</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        | 19          | 31.420.260.000        | 31.420.260.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 31.420.260.000        | 31.420.260.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        | 19          | 9.032.658.805         | 9.032.658.805         |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        | 19          | 8.453.104.907         | 4.216.883.913         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       | 19          | 4.216.883.913         | 823.908.793           |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       | 19          | 4.236.220.994         | 3.392.975.120         |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>-</b>              | <b>-</b>              |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>54.973.955.618</b> | <b>53.894.495.728</b> |



Chu Sỹ Hoạt

Gia Lai, ngày 13 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 6



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LẠI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU                                    | MA số | Thuyết minh | Năm 2015<br>VND       | Năm 2014<br>VND      |
|---|-------|-------------|-----------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ    | 01    | 20          | 20.595.601.937        | 22.416.350.524       |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu             | 02    |             | -                     | -                    |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ | 10    |             | 20.595.601.937        | 22.416.350.524       |
| 4. Giá vốn hàng bán                         | 11    | 21          | 10.443.499.263        | 14.902.994.054       |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ   | 20    |             | <u>10.152.102.674</u> | <u>7.513.356.470</u> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính            | 21    | 22          | 1.468.839             | 1.009.929.558        |
| 7. Chi phí tài chính                        | 22    | 23          | 436.705.581           | 239.427.031          |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>            | 23    |             | 436.705.581           | 239.427.031          |
| 8. Chi phí bán hàng                         | 25    | 24.a        | 851.183.727           | 611.663.244          |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp             | 26    | 24.b        | 3.316.370.223         | 3.047.372.267        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30    |             | <u>5.549.311.982</u>  | <u>4.624.623.486</u> |
| 11. Thu nhập khác                           | 31    |             | -                     | 13.443.245           |
| 12. Chi phí khác                            | 32    | 25          | 27.196.659            | 311.838.072          |
| 13. Lợi nhuận khác                          | 40    |             | <u>(27.196.659)</u>   | <u>(298.394.827)</u> |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế       | 50    |             | <u>5.522.115.323</u>  | <u>4.326.228.659</u> |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành             | 51    | 26          | 1.285.894.329         | 933.253.539          |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại              | 52    |             | -                     | -                    |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN                 | 60    |             | <u>4.236.220.994</u>  | <u>3.392.975.120</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                | 70    | 27          | 1.348                 | 1.080                |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu              | 71    | 27          | 1.348                 | 1.080                |



Chủ Sở Hoạt

Gia Lai, ngày 13 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trang 7



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU   | Mã Thuyết<br>số minh | Năm 2015<br>VND        | Năm 2014<br>VND         |
|--|----------------------|------------------------|-------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>          |                      |                        |                         |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác           | 01                   | 20.760.764.663         | 23.580.656.882          |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV                | 02                   | (8.699.412.173)        | (12.741.548.332)        |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                         | 03                   | (2.979.497.957)        | (3.106.489.936)         |
| 4. Tiền lãi vay đã trả                                     | 04 15, 23            | (442.204.404)          | (228.280.902)           |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                       | 05 14                | (1.800.000.000)        | (1.248.746.266)         |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                   | 06                   | 1.069.454.313          | 7.903.065.586           |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                  | 07                   | (2.970.292.552)        | (34.566.100.717)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>       | <b>20</b>            | <b>4.938.811.890</b>   | <b>(20.407.443.685)</b> |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>             |                      |                        |                         |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác           | 21                   | (409.442.899)          | (5.085.709.815)         |
| 2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác      | 22                   | -                      | 25.000.000              |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác    | 23                   | (2.598.550.166)        | (3.035.680.850)         |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác | 24                   | 695.462.778            | 22.923.005.645          |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia     | 27 22                | 1.468.839              | 1.009.929.558           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>           | <b>30</b>            | <b>(2.311.061.448)</b> | <b>15.836.544.538</b>   |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>         |                      |                        |                         |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                      | 33 18                | 286.963.333            | 4.800.000.000           |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                     | 34 18                | (2.009.559.667)        | (457.500.000)           |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>        | <b>40</b>            | <b>(1.722.596.334)</b> | <b>4.342.500.000</b>    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                      | <b>50</b>            | <b>905.154.108</b>     | <b>(228.399.147)</b>    |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                            | 60 5                 | 268.936.518            | 497.335.665             |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ    | 61                   | -                      | -                       |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                    | <b>70 5</b>          | <b>1.174.090.626</b>   | <b>268.936.518</b>      |



Chủ Sự Hoạt

Gia Lai, ngày 13 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh

Thuyết minh kèm theo từ trang 9 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

Trang 8



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình công cộng Đức Long Gia Lai (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 5900437257 ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai (từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 13 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 29/12/2014). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Vốn điều lệ: 31.420.260.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2015: 31.420.260.000 đồng.

Công ty đã thực hiện niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 27/2010/GCNCP-VSD - 4 ngày 28/01/2010 với mã chứng khoán DL1, thay đổi lần 5 ngày 24/11/2014. Ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu là ngày 10/03/2010.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Dịch vụ vận chuyển hành khách; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các bến bãi tại các tỉnh, thành phố trong cả nước; Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Đại lý mua bán xăng dầu và các sản phẩm từ xăng dầu; Đại lý mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ;
- Vận tải khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Bán buôn tổng hợp. Chi tiết: Buôn bán hàng tiêu dùng.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 33) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

#### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.3 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

thế, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

##### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u>      | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc   | 5 - 48                          |
| Phương tiện vận tải      | 4,5 - 10                        |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | Hết khấu hao                    |

#### 4.6 Tài sản cố định vô hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|---------------------|---------------------------------|
| Phần mềm máy tính   | 8                               |

#### 4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
 CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
 43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### 4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### 4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hoá chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

#### 4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Khoản chi phí phải trả của Công ty là chi phí lãi vay được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.11 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty là khoản tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

### 4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### 4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### 4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### 4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

#### 4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

#### 4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

#### 4.18 Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

##### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Hoạt động vận tải khách bằng xe buýt thuộc đối tượng không chịu thuế; các dịch vụ khác (cho thuê bãi, dịch vụ bến, bến đỗ, cho thuê xe...) chịu thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

## 4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

## 5. Tiền

|                                 | 31/12/2015           | 01/01/2015         |
|---------------------------------|----------------------|--------------------|
| Tiền mặt                        | 944.650.655          | 150.708.814        |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 229.439.971          | 118.227.704        |
| <b>Cộng</b>                     | <b>1.174.090.626</b> | <b>268.936.518</b> |

## 6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

|   | 31/12/2015         | 01/01/2015         |
|---|--------------------|--------------------|
| Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Hùng Nhân | 375.000.000        | 140.000.000        |
| Các đối tượng khác                        | 166.204.833        | 167.452.333        |
| <b>Cộng</b>                               | <b>541.204.833</b> | <b>307.452.333</b> |

## 7. Phải thu về cho vay

## a. Ngắn hạn

|   | 31/12/2015            | 01/01/2015            |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Cho mượn tiền                               | 28.410.121.388        | 26.507.034.000        |
| - Võ Thị Thu Hằng (*)                       | 15.882.634.000        | 15.882.634.000        |
| - Trần Thị Thu Trang (*)                    | 9.700.000.000         | 9.700.000.000         |
| - Nguyễn Thanh Lâm (*)                      | 924.400.000           | 924.400.000           |
| - Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai (**) | 1.903.087.388         | -                     |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>28.410.121.388</b> | <b>26.507.034.000</b> |

(\*) Cho các cá nhân mượn tiền theo các hợp đồng cho mượn số 79A, 79B ngày 01/08/2015, 82A ngày 20/08/2015. Thời gian cho mượn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(\*\*) Cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Đức Long Gia Lai mượn tiền theo hợp đồng hỗ trợ vốn lưu động số 84/HĐCT ngày 25/08/2015. Số tiền hỗ trợ vốn là 3 tỷ đồng, lãi suất hỗ trợ vốn là 0%/năm, thời gian hỗ trợ vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Trang 15



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### b. Phải thu về cho các bên liên quan vay

| Mối quan hệ                          |            | 31/12/2015           | 01/01/2015 |
|--------------------------------------|------------|----------------------|------------|
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai | Công ty mẹ | 1.903.087.388        | -          |
| <b>Cộng</b>                          |            | <b>1.903.087.388</b> | <b>-</b>   |

#### 8. Phải thu ngắn hạn khác

|                        | 31/12/2015         |                    | 01/01/2015         |                    |
|------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
|                        | Giá trị            | Dự phòng           | Giá trị            | Dự phòng           |
| Phải thu ông Lê Phú HA | 208.558.399        | 145.990.880        | 208.558.399        | 145.990.880        |
| Tạm ứng                | 20.100.000         | -                  | 41.280.977         | -                  |
| Phải thu khác          | -                  | -                  | 11.754.580         | -                  |
| <b>Cộng</b>            | <b>228.658.399</b> | <b>145.990.880</b> | <b>261.593.956</b> | <b>145.990.880</b> |

#### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

|  | 31/12/2015         | 01/01/2015         |
|--|--------------------|--------------------|
| Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm | 145.990.880        | 145.990.880        |
| <b>Cộng</b>  | <b>145.990.880</b> | <b>145.990.880</b> |

#### 10. Chi phí trả trước

##### a. Ngắn hạn

|   | 31/12/2015         | 01/01/2015         |
|---|--------------------|--------------------|
| Vé, hoá đơn GTGT kiểm lệnh xuất kho             | 58.599.495         | 81.679.785         |
| Chi phí lớp, sơm yếm ô tô                       | 280.565.236        | 440.031.610        |
| Chi phí bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm thân thể     | 143.617.509        | 115.566.019        |
| Chi phí định vị, bảo trì phần mềm, phí đường bộ | 34.899.578         | 36.517.079         |
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ             | 2.790.000          | -                  |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>520.471.818</b> | <b>673.794.493</b> |

Trang 16



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### b. Dài hạn

|                                     | 31/12/2015         | 01/01/2015        |
|-------------------------------------|--------------------|-------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 3.087.781          | 29.730.307        |
| Chi phí thuê cây xăng               | -                  | 28.636.361        |
| Chi phí sửa chữa                    | 380.093.717        | -                 |
| <b>Cộng</b>                         | <b>383.181.498</b> | <b>58.366.668</b> |

#### 11. Tài sản cố định hữu hình

|                        | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc | P.tiện vận tải<br>truyền dẫn | Thiết bị, dụng<br>cụ quản lý | Cộng                  |
|------------------------|---------------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>      |                           |                              |                              |                       |
| Số đầu kỳ              | 25.722.565.114            | 9.845.574.494                | 67.400.000                   | 35.635.539.608        |
| Đ/tư XD/CB h/thành     | 933.814.559               | -                            | -                            | 933.814.559           |
| Giảm trong kỳ          | -                         | -                            | -                            | -                     |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>26.656.379.673</b>     | <b>9.845.574.494</b>         | <b>67.400.000</b>            | <b>36.569.354.167</b> |
| <b>Khấu hao</b>        |                           |                              |                              |                       |
| Số đầu kỳ              | 6.561.485.474             | 3.726.028.327                | 67.400.000                   | 10.354.913.801        |
| Khấu hao trong kỳ      | 1.331.925.029             | 1.117.906.121                | -                            | 2.449.831.150         |
| Giảm trong kỳ          | -                         | -                            | -                            | -                     |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>7.893.410.503</b>      | <b>4.843.934.448</b>         | <b>67.400.000</b>            | <b>12.804.744.951</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b> |                           |                              |                              |                       |
| Số đầu kỳ              | 19.161.079.640            | 6.119.546.167                | -                            | 25.280.625.807        |
| <b>Số cuối kỳ</b>      | <b>18.762.969.170</b>     | <b>5.001.640.046</b>         | <b>-</b>                     | <b>23.764.609.216</b> |

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2015 là 4.379.560.637 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 234.830.659 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 12. Tài sản cố định vô hình

|                   | Phần mềm<br>máy tính | Cộng               |
|-------------------|----------------------|--------------------|
| Nguyên giá        |                      |                    |
| Số đầu kỳ         | 58.625.000           | 58.625.000         |
| Mua trong kỳ      | 111.510.000          | 111.510.000        |
| Giảm trong kỳ     | -                    | -                  |
| Số cuối kỳ        | <u>170.135.000</u>   | <u>170.135.000</u> |
| Khấu hao          |                      |                    |
| Số đầu kỳ         | 58.625.000           | 58.625.000         |
| Khấu hao trong kỳ | 13.901.280           | 13.901.280         |
| Giảm trong kỳ     | -                    | -                  |
| Số cuối kỳ        | <u>72.526.280</u>    | <u>72.526.280</u>  |
| Giá trị còn lại   |                      |                    |
| Số đầu kỳ         | -                    | -                  |
| Số cuối kỳ        | <u>97.608.720</u>    | <u>97.608.720</u>  |

- Không có TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay.
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 58.625.000 đồng.

#### 13. Phải trả người bán ngắn hạn

|  | 31/12/2015         | 01/01/2015         |
|--|--------------------|--------------------|
| Công ty TNHH MTV Công Danh Tuyên         | 92.600.000         | 312.610.009        |
| Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bắc Tây Nguyên | 98.614.600         | 295.515.880        |
| Công ty TNHH XD-TH Hoàng Anh             | 77.824.660         | -                  |
| Các đối tượng khác                       | -                  | 89.723.842         |
| Cộng                                     | <u>269.039.260</u> | <u>697.849.731</u> |

#### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

|                             | Số đầu kỳ          | Số phải nộp<br>trong kỳ | Số thực nộp trong<br>kỳ | Số cuối kỳ         |
|-----------------------------|--------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------|
| Thuế giá trị gia tăng       | 179.735.150        | 1.147.775.604           | 1.239.533.184           | 87.977.570         |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | 651.711.176        | 1.285.894.329           | 1.800.000.000           | 137.605.505        |
| Thuế thu nhập cá nhân       | -                  | 673.265                 | 673.265                 | -                  |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | -                  | 467.276.040             | 467.276.040             | -                  |
| Các loại thuế khác          | -                  | 3.000.000               | 3.000.000               | -                  |
| Phí và lệ phí               | 142.512.253        | -                       | 142.512.253             | -                  |
| Cộng                        | <u>973.958.579</u> | <u>2.904.619.238</u>    | <u>3.652.994.742</u>    | <u>225.583.075</u> |

Trang 18



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

|                  | 31/12/2015       | 01/01/2015        |
|------------------|------------------|-------------------|
| Lãi vay phải trả | 6.813.139        | 12.311.962        |
| <b>Cộng</b>      | <b>6.813.139</b> | <b>12.311.962</b> |

**16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

|                               | 31/12/2015        | 01/01/2015        |
|-------------------------------|-------------------|-------------------|
| Doanh thu cho thuê nhận trước | 60.310.607        | 94.600.756        |
| <b>Cộng</b>                   | <b>60.310.607</b> | <b>94.600.756</b> |

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

|   | 31/12/2015         | 01/01/2015         |
|---|--------------------|--------------------|
| Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 2.665.600          | 235.834.194        |
| Phải trả khác                               | 449.129.081        | 364.839.292        |
| - Cổ tức phải trả                           | 109.000            | 109.000            |
| - Đặt cọc nhân viên bán vé, kiot, bến bãi   | 406.136.640        | 332.457.944        |
| - Phải trả khác                             | 42.883.441         | 32.272.348         |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>451.794.681</b> | <b>600.673.486</b> |

Trang 19



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 18. Vay và nợ thuê tài chính

##### a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

|  | Đầu kỳ               | Tăng<br>trong kỳ     | Giảm<br>trong kỳ     | Cuối kỳ              |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Mượn ngắn hạn                                    | 600.096.334          | 286.963.333          | 887.059.667          | -                    |
| - Công ty CP Tập đoàn DLGL                       | 600.096.334          | 286.963.333          | 887.059.667          | -                    |
| Vay dài hạn đến hạn trả                          | 1.122.500.000        | 1.110.000.000        | 1.122.500.000        | 1.110.000.000        |
| - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai | 162.500.000          | 150.000.000          | 162.500.000          | 150.000.000          |
| - Ngân hàng TMCP Quốc dân - Sở giao dịch         | 960.000.000          | 960.000.000          | 960.000.000          | 960.000.000          |
| <b>Cộng</b>                                      | <b>1.722.596.334</b> | <b>1.396.963.333</b> | <b>2.009.559.667</b> | <b>1.110.000.000</b> |

##### b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

|  | Đầu kỳ               | Tăng<br>trong kỳ | Giảm<br>trong kỳ     | Cuối kỳ              |
|--|----------------------|------------------|----------------------|----------------------|
| Vay dài hạn  | 4.942.500.000        | -                | 1.122.500.000        | 3.820.000.000        |
| - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Gia Lai (1) | 462.500.000          | -                | 162.500.000          | 300.000.000          |
| - Ngân hàng TMCP Quốc dân - Sở giao dịch (2)         | 4.480.000.000        | -                | 960.000.000          | 3.520.000.000        |
| <b>Cộng</b>  | <b>4.942.500.000</b> | <b>-</b>         | <b>1.122.500.000</b> | <b>3.820.000.000</b> |
| <b>Trong đó:</b>                                     |                      |                  |                      |                      |
| - Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm           | 1.122.500.000        |                  |                      | 1.110.000.000        |
| <b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>              | <b>3.820.000.000</b> |                  |                      | <b>2.710.000.000</b> |

(1) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai theo Hợp đồng số 1682/HĐCV/PN/TCB-PLU ngày 26 tháng 12 năm 2013 để mua ô tô phục vụ mục đích đi lại. Theo đó, tổng số tiền vay là 600.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 27/12/2013), lãi suất theo Hợp đồng là 13,9%/năm, được cố định trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu và sẽ được điều chỉnh từ tháng thứ 4 trở đi.

(2) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quốc dân – Sở giao dịch theo Hợp đồng tín dụng số 051/14/HĐTD/101-63 ngày 20 tháng 08 năm 2014 để mua ô tô 4 chỗ Land Rover phục vụ mục đích đi lại và kinh doanh. Theo đó, tổng số tiền vay là 4.800.000.000 đồng được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay tối đa là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 20/08/2014), lãi suất vay kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9,5%/năm, được thay đổi sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên hoặc khi có sự thay đổi các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến lãi suất vay mà các thay đổi đó làm cho lãi suất vay (có thể được áp dụng theo quy định của pháp luật) tăng lên.

Trang 20



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

|                      | Vốn góp của chủ sở hữu | Quý đầu tư phát triển | Quý dự phòng tài chính | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng                  |
|----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------|-----------------------|
| Số dư tại 01/01/2014 | 28.564.540.000         | 8.025.697.065         | 1.006.961.740          | 3.679.628.793                     | 41.276.827.598        |
| Tăng trong kỳ        | 2.855.720.000          | -                     | -                      | 3.392.975.120                     | 6.248.695.120         |
| Giảm trong kỳ        | -                      | -                     | -                      | 2.855.720.000                     | 2.855.720.000         |
| Số dư tại 31/12/2014 | <u>31.420.260.000</u>  | <u>8.025.697.065</u>  | <u>1.006.961.740</u>   | <u>4.216.883.913</u>              | <u>44.669.802.718</u> |
| Chuyển số dư (*)     | -                      | 1.006.961.740         | (1.006.961.740)        | -                                 | -                     |
| Số dư tại 01/01/2015 | 31.420.260.000         | 9.032.658.805         | -                      | 4.216.883.913                     | 44.669.802.718        |
| Tăng trong kỳ        | -                      | -                     | -                      | 4.236.220.994                     | 4.236.220.994         |
| Giảm trong kỳ        | -                      | -                     | -                      | -                                 | -                     |
| Số dư tại 31/12/2015 | <u>31.420.260.000</u>  | <u>9.032.658.805</u>  | <u>-</u>               | <u>8.453.104.907</u>              | <u>48.906.023.712</u> |

(\*) Chuyển số dư Quý dự phòng tài chính sang Quý đầu tư phát triển theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

|                                      | 31/12/2015            | 01/01/2015            |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai | 17.177.680.000        | 17.177.680.000        |
| Vốn góp của các cổ đông khác         | 14.242.580.000        | 14.242.580.000        |
| <b>Cộng</b>                          | <u>31.420.260.000</u> | <u>31.420.260.000</u> |

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

|                                  | Năm 2015       | Năm 2014       |
|----------------------------------|----------------|----------------|
| <b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b> |                |                |
| - Vốn góp đầu kỳ                 | 31.420.260.000 | 28.564.540.000 |
| - Vốn góp tăng trong kỳ          | -              | 2.855.720.000  |
| - Vốn góp giảm trong kỳ          | -              | -              |
| - Vốn góp cuối kỳ                | 31.420.260.000 | 31.420.260.000 |
| <b>Cổ tức đã chia</b>            |                |                |



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**d. Cổ phiếu**

|  | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------|------------|
|  | Cổ phiếu   | Cổ phiếu   |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành                  | 3.142.026  | 3.142.026  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng               | 3.142.026  | 3.142.026  |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | 3.142.026  | 3.142.026  |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)        | -          | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | -          | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành                      | 3.142.026  | 3.142.026  |
| - Cổ phiếu phổ thông                                 | 3.142.026  | 3.142.026  |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | -          | -          |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND           |            |            |

**e. Cổ tức**

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29/05/2015 đã thông qua phương án không phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 mà dùng để nâng cao đòn bẩy tài chính cho công ty.

**f. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

|  | Năm 2015             | Năm 2014             |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang                   | 4.216.883.913        | 3.679.628.793        |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này  | 4.236.220.994        | 3.392.975.120        |
| Phân phối lợi nhuận                              | -                    | 2.855.720.000        |
| - Phân phối lợi nhuận kỳ trước                   | -                    | 2.855.720.000        |
| + Trả cổ tức bằng cổ phiếu                       | -                    | 2.855.720.000        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b> | <b>8.453.104.907</b> | <b>4.216.883.913</b> |

**20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                              | Năm 2015              | Năm 2014              |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu dịch vụ vận chuyển | 9.167.562.725         | 12.106.727.272        |
| Doanh thu dịch vụ bến bãi    | 11.428.039.212        | 10.309.623.252        |
| <b>Cộng</b>                  | <b>20.595.601.937</b> | <b>22.416.350.524</b> |

Trang 22



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**21. Giá vốn hàng bán**

|                            | Năm 2015              | Năm 2014              |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Giá vốn dịch vụ vận chuyển | 7.193.954.629         | 11.691.128.221        |
| Giá vốn dịch vụ bến bãi    | 3.249.544.634         | 3.211.865.833         |
| <b>Cộng</b>                | <b>10.443.499.263</b> | <b>14.902.994.054</b> |

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

|                            | Năm 2015         | Năm 2014             |
|----------------------------|------------------|----------------------|
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 1.468.839        | 3.711.517            |
| Lãi cho Tập đoàn vay       | -                | 1.006.218.041        |
| <b>Cộng</b>                | <b>1.468.839</b> | <b>1.009.929.558</b> |

**23. Chi phí tài chính**

|                 | Năm 2015           | Năm 2014           |
|-----------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 436.705.581        | 239.427.031        |
| <b>Cộng</b>     | <b>436.705.581</b> | <b>239.427.031</b> |

**24. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp****a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ**

|                   | Năm 2015           | Năm 2014           |
|-------------------|--------------------|--------------------|
| Chi phí nhân công | 724.628.619        | 610.963.244        |
| Các khoản khác    | 126.555.108        | 700.000            |
| <b>Cộng</b>       | <b>851.183.727</b> | <b>611.663.244</b> |

Trang 23



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ**

|                   | Năm 2015             | Năm 2014             |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí nhân công | 1.373.135.758        | 1.469.449.708        |
| Chi phí khấu hao  | 972.175.154          | 777.016.874          |
| Tiền thuê đất     | 467.276.040          | 350.457.030          |
| Các khoản khác    | 503.783.271          | 450.648.655          |
| <b>Cộng</b>       | <b>3.316.370.223</b> | <b>3.047.572.267</b> |

**25. Chi phí khác**

|   | Năm 2015          | Năm 2014           |
|---|-------------------|--------------------|
| Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ | -                 | 75.553.237         |
| Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp                        | 10.104.846        | 155.413.344        |
| Chi phí khác  | 17.091.813        | 80.871.491         |
| <b>Cộng</b>   | <b>27.196.659</b> | <b>311.838.072</b> |

**26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

|   | Năm 2015             | Năm 2014           |
|---|----------------------|--------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế   | 5.522.115.323        | 4.326.228.659      |
| <b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>  | <b>322.858.900</b>   | <b>340.039.035</b> |
| - Điều chỉnh tăng   | 322.858.900          | 340.039.035        |
| + Các khoản phạt thuế và nộp phạt khác  | 97.884.364           | 190.949.329        |
| + Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác   | 224.974.536          | 149.089.706        |
| Tổng thu nhập chịu thuế   | 5.844.974.223        | 4.666.267.694      |
| <b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>   | <b>1.285.894.329</b> | <b>933.253.539</b> |
| <b>Trong đó:</b>  |                      |                    |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này  | 1.285.894.329        | 933.253.539        |
| - Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này |                      |                    |

Trang 24



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 27. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

|  | Năm 2015      | Năm 2014      |
|--|---------------|---------------|
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp                 | 4.236.220.994 | 3.392.975.120 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế   | -             | -             |
| - Điều chỉnh tăng  | -             | -             |
| - Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)       | -             | -             |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 4.236.220.994 | 3.392.975.120 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ  | 3.142.026     | 3.142.026     |
| <b>Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>            | <b>1.348</b>  | <b>1.080</b>  |

(\*) Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi. Kế hoạch đại hội cổ đông của Công ty không quy định tỷ lệ trích cụ thể. Hằng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đạt được, Ban điều hành sẽ đề xuất số tiền trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

#### 28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

|                                  | Năm 2015              | Năm 2014              |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 4.402.482.144         | 9.439.117.445         |
| Chi phí nhân công                | 3.526.930.734         | 3.431.288.861         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.463.732.430         | 2.031.337.336         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 2.445.443.185         | 2.707.896.269         |
| Chi phí khác bằng tiền           | 1.772.464.720         | 807.244.493           |
| <b>Cộng</b>                      | <b>14.611.053.213</b> | <b>18.416.884.404</b> |

#### 29. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận kinh doanh chính là cung cấp dịch vụ vận chuyển và dịch vụ bến bãi và theo một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Do đó, báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

| Báo cáo bộ phận theo<br>lĩnh vực kinh doanh | Dịch vụ vận chuyển |                 | Dịch vụ bến bãi |                 | Cộng             |                  |
|---|--------------------|-----------------|-----------------|-----------------|------------------|------------------|
|   | Năm 2015           | Năm 2014        | Năm 2015        | Năm 2014        | Năm 2015         | Năm 2014         |
| Doanh thu bán hàng và<br>cung cấp dịch vụ   | 9.167.562.725      | 12.106.727.272  | 11.428.039.212  | 10.309.623.252  | 20.595.601.937   | 22.416.350.524   |
| Giá vốn hàng bán                            | 7.193.954.629      | 11.691.128.221  | 3.249.544.634   | 3.211.865.833   | 10.443.499.263   | 14.902.994.054   |
| Lợi nhuận gộp của bộ<br>phận kinh doanh     | 1.973.608.096      | 415.599.051     | 8.178.494.578   | 7.097.757.419   | 10.152.102.674   | 7.513.356.470    |
| Doanh thu HD tài chính<br>không phân bổ     |                    |                 |                 |                 | 1.468.839        | 1.009.929.558    |
| Chi phí tài chính                           | 173.729.469        | 55.604.958      | 262.976.112     | 183.822.073     | 436.705.581      | 239.427.031      |
| Chi phí bán hàng                            | 347.910.400        | 334.496.800     | 503.273.327     | 277.166.444     | 851.183.727      | 611.663.244      |
| Chi phí quản lý DN không<br>phân bổ         |                    |                 |                 |                 | 3.316.370.223    | 3.047.572.267    |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt<br>động kinh doanh  |                    |                 |                 |                 | 5.549.311.982    | 4.624.623.486    |
|   | 31/12/2015         | 01/01/2015      | 31/12/2015      | 01/01/2015      | 31/12/2015       | 01/01/2015       |
| Tài sản cố định hữu hình                    | 5.001.640.046      | 1.878.132.367   | 18.762.969.170  | 23.402.493.440  | 23.764.609.216   | 25.280.625.807   |
| - Nguyên giá                                | 9.845.574.494      | 5.495.406.494   | 26.723.779.673  | 30.140.133.114  | 36.569.354.167   | 35.635.539.608   |
| - Hao mòn lũy kế                            | (4.843.934.448)    | (3.617.274.127) | (7.960.810.503) | (6.737.639.674) | (12.804.744.951) | (10.354.913.801) |
| Tài sản cố định vô hình                     | -                  | -               | 97.608.720      | -               | 97.608.720       | -                |
| - Nguyên giá                                | -                  | -               | 170.135.000     | 58.625.000      | 170.135.000      | 58.625.000       |
| - Hao mòn lũy kế                            | -                  | -               | (72.526.280)    | (58.625.000)    | (72.526.280)     | (58.625.000)     |
| Phải thu khách hàng                         | -                  | 16.500.600      | 541.204.833     | 290.952.333     | 541.204.833      | 307.452.333      |
| Trả trước cho người bán                     | -                  | -               | -               | 682.682.833     | -                | 682.682.833      |
| Phải trả người bán                          | 191.214.600        | 608.125.889     | 77.824.660      | 89.723.842      | 269.039.260      | 697.849.731      |

**30. Quản lý rủi ro**

**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro về lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này,



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

#### Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu đầu vào. Nguyên liệu đầu vào của công ty chủ yếu là xăng dầu và các sản phẩm liên quan đến việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển. Giá bán xăng dầu không có sự chênh lệch giữa các nhà cung cấp. Đối với việc sửa chữa thay thế các bộ phận của xe vận chuyển, Công ty có chính sách khảo sát giá của nhiều nhà cung cấp khác nhau, sau đó lựa chọn nhà cung cấp phù hợp. Do đó, Ban Giám đốc Công ty nhận thấy không có rủi ro trọng yếu đối với việc thay đổi giá nguyên vật liệu đầu vào.

#### Quản lý rủi ro tín dụng

Với đặc thù kinh doanh vận chuyển xe buýt, dịch vụ bến xe là thu tiền ngay, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

#### Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

| 31/12/2015               | Không quá 1 năm      | Trên 1 năm           | Tổng                 |
|--------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Phải trả người bán       | 269.039.260          | -                    | 269.039.260          |
| Chi phí phải trả         | 6.813.139            | -                    | 6.813.139            |
| Vay và nợ thuê tài chính | 1.110.000.000        | 2.710.000.000        | 3.820.000.000        |
| Phải trả khác            | 449.129.081          | -                    | 449.129.081          |
| <b>Cộng</b>              | <b>1.834.981.480</b> | <b>2.710.000.000</b> | <b>4.544.981.480</b> |
| 01/01/2015               | Không quá 1 năm      | Trên 1 năm           | Tổng                 |
| Phải trả người bán       | 697.849.731          | -                    | 697.849.731          |
| Chi phí phải trả         | 12.311.962           | -                    | 12.311.962           |
| Vay và nợ thuê tài chính | 1.122.500.000        | 3.820.000.000        | 4.942.500.000        |
| Phải trả khác            | 964.935.626          | -                    | 964.935.626          |
| <b>Cộng</b>              | <b>2.797.597.319</b> | <b>3.820.000.000</b> | <b>6.617.597.319</b> |

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

| <u>31/12/2015</u>                  | <u>Không quá 1 năm</u> | <u>Trên 1 năm</u> | <u>Tổng</u>           |
|------------------------------------|------------------------|-------------------|-----------------------|
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.174.090.626          | -                 | 1.174.090.626         |
| Phải thu khách hàng                | 541.204.833            | -                 | 541.204.833           |
| Phải thu về cho vay                | 28.410.121.388         | -                 | 28.410.121.388        |
| Phải thu khác                      | 62.567.519             | -                 | 62.567.519            |
| <b>Cộng</b>                        | <b>30.187.984.366</b>  | <b>-</b>          | <b>30.187.984.366</b> |
| <u>01/01/2015</u>                  | <u>Không quá 1 năm</u> | <u>Trên 1 năm</u> | <u>Tổng</u>           |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 268.936.518            | -                 | 268.936.518           |
| Phải thu khách hàng                | 307.452.333            | -                 | 307.452.333           |
| Phải thu về cho vay                | 26.507.034.000         | -                 | 26.507.034.000        |
| Phải thu khác                      | 74.322.099             | -                 | 74.322.099            |
| <b>Cộng</b>                        | <b>27.157.744.950</b>  | <b>-</b>          | <b>27.157.744.950</b> |

#### 31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 32. Thông tin về các bên liên quan

##### a. Các bên liên quan

|  | <u>Mối quan hệ</u>   |
|--|----------------------|
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai                     | Công ty mẹ           |
| Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Đức Long Gia Lai               | Chung Công ty mẹ     |
| Công ty CP Trồng rừng & Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai | Chung công ty mẹ     |
| Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai       | Chung công ty đầu tư |
| Công ty TNHH MTV Đức Long Đắk Nông                       | Chung công ty mẹ     |

Trang 28



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

| Công ty liên quan  | Giao dịch                  | Năm 2015      | Năm 2014       |
|--|----------------------------|---------------|----------------|
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai                     | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 336.727.268   | 209.454.540    |
|  | Thuê xe buýt, d. vụ khác   | 544.560.000   | 544.560.000    |
|  | Cho vay                    | -             | 23.222.513.645 |
|  | Thu hồi tiền cho vay       | -             | 22.923.005.645 |
|  | Bù trừ nợ                  | -             | 299.508.000    |
|  | Cho mượn                   | 2.598.550.166 | 386.779.980    |
|  | Thu hồi tiền cho mượn      | 695.462.778   | 986.876.314    |
|  | Mượn tiền                  | 286.963.333   | -              |
| Công ty CP Trồng rừng & Cây công nghiệp Đức Long Gia Lai | Trả tiền mượn              | 887.059.667   | -              |
|  | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 11.838.764    | 24.651.766     |
| Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Đức Sang Gia Lai       | Doanh thu cung cấp dịch vụ | 41.448.762    | 34.272.740     |
| Công ty TNHH MTV Đức Long Đăk Nông                       | Doanh thu cung cấp dịch vụ | -             | 136.155.573    |

#### c. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

|                                      | Khoản mục                         | 31/12/2015 | 01/01/2015  |
|--------------------------------------|-----------------------------------|------------|-------------|
| Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ DLGL       | Phải trả khác                     | 20.749.940 | 20.749.940  |
| Công ty CP Tập đoàn Đức Long Gia Lai | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | -          | 600.096.334 |

#### d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

|                    | Năm 2015    | Năm 2014    |
|--------------------|-------------|-------------|
| Lương Ban Giám đốc | 307.935.236 | 263.442.435 |

### 33. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG ĐỨC LONG GIA LAI  
43 Lý Nam Đế, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

| Chỉ tiêu                          | 31/12/2014     | 01/01/2015<br>(Trình bày lại) |
|-----------------------------------|----------------|-------------------------------|
| Phải thu về cho vay ngắn hạn      | -              | 26.507.034.000                |
| Phải thu ngắn hạn khác            | 26.727.346.979 | 261.593.956                   |
| Tài sản ngắn hạn khác             | 41.280.977     | -                             |
| Phải trả ngắn hạn khác            | 1.200.769.820  | 600.673.486                   |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 1.122.500.000  | 1.722.596.334                 |
| Quỹ đầu tư phát triển             | 8.025.697.065  | 9.032.658.805                 |
| Quỹ dự phòng tài chính            | 1.006.961.740  | -                             |

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

| Chỉ tiêu      | Năm 2014    | Năm 2014<br>(Trình bày lại) |
|---------------|-------------|-----------------------------|
| Thu nhập khác | 36.170.518  | 13.443.245                  |
| Chi phí khác  | 334.565.345 | 311.838.072                 |



Chu Sỹ Hoạt

Gia Lai, ngày 13 tháng 02 năm 2016

Kế toán trưởng

Hà Thị Phương Oanh

Người lập biểu

Hà Thị Phương Oanh



## **KẾT LUẬN**

Trong năm 2015, nền kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi, kinh tế trong nước dần được khôi phục, lạm phát được kiềm chế, lãi suất ngân hàng liên tục giảm,..., tuy nhiên năm 2015 là một năm đầy biến động của tỷ giá, giá vàng biến động, trong bối cảnh đồng USD tăng giá do kỳ vọng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) điều chỉnh tăng lãi suất và Trung Quốc bất ngờ điều chỉnh mạnh tỷ giá đồng Nhân dân tệ kéo theo làn sóng giảm giá mạnh của các đồng tiền của các đối tác thương mại chính của Việt Nam. Giá xăng dầu thế giới giảm mạnh làm hạ giá thành trong nước, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, đà tăng trưởng được phục hồi trong hầu hết các ngành, lĩnh vực là những điểm sáng của bức tranh kinh tế năm nay.

Nhìn lại một năm đã qua, những bài học được đúc kết và kinh nghiệm cho con đường phát triển của DLGL INDPS, HĐQT và Ban Lãnh đạo cùng Tập thể CBCNV nhận thấy còn rất nhiều công việc phải làm trong các năm tới. Tập thể DLGL INDPS với một tinh thần đoàn kết, tương hỗ và quyết tâm hoàn thành kế hoạch giai đoạn 2016-2020 để hiện thực hoá tầm nhìn: “DLGL INDPS trở thành doanh nghiệp phát triển bền vững là đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động nguồn lực từ bên ngoài”.

Ngoài lĩnh vực kinh doanh bến xe, bãi đỗ vận tải hành khách thì DLGL INDPS đang chú trọng mở rộng phát triển bền vững, đa dạng hoá ngành nghề sản xuất kinh doanh ngoài ngành nghề kinh doanh truyền thống, đẩy mạnh hoạt động liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư để huy động nguồn lực từ bên ngoài. Tích cực hoàn thiện công tác quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đầu tư, tìm kiếm và phát triển thị trường để tạo tiền đề cho sự phát triển của Công ty trong những năm tiếp theo.



Rất mong quý cổ đông và nhà đầu tư thấu hiểu, thông cảm, chia sẻ và ủng hộ cho HĐQT lãnh đạo Công ty từng bước vượt qua khó khăn, tạo tiền đề vững chắc để phát triển bền vững trong năm 2016 và những năm tiếp theo ./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT  
GIÁM ĐỐC**



*Chu Sỹ Hoạt*  
**Chu Sỹ Hoạt**

